



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc chi trả tiền giảm 70% học phí cho sinh viên khóa 48
nhóm ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Học kỳ 2 – Năm học 2025-2026**

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-CDCT ngày 07/05/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền giảm 70% học phí cho sinh viên khóa 48 nhóm ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm học kỳ 2 năm học 2025-2026;

Phòng Tài chính Kế toán thông báo đến các em sinh viên khóa 48 gồm các ngành: công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ chế tạo máy, công nghệ kỹ thuật điện điện tử, điện công nghiệp, kỹ thuật máy lạnh điều hòa không khí và công nghệ kỹ thuật ô tô đến phòng Tài chính Kế toán nhận tiền giảm học phí học kỳ 2 năm học 2025-2026 theo thời gian cụ thể như sau:

Thời gian trả tiền cho sinh viên: Bắt đầu từ ngày 18/05/2026 đến hết ngày 22/05/2026 (giờ hành chính: buổi sáng từ 8 giờ – 11 giờ, buổi chiều từ 14 giờ – 16 giờ):

1. Ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí:
 - Nhận tiền **ngày 18/05/2026**
2. Ngành công nghệ chế tạo máy:
 - Nhận tiền **ngày 19/05/2026**
3. Ngành công nghệ kỹ thuật điện điện tử:
 - Nhận tiền **ngày 19/05/2026**
4. Ngành điện công nghiệp:
 - Nhận tiền **ngày 20/05/2026**
5. Ngành kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí:
 - Nhận tiền **ngày 20/05/2026**
6. Ngành công nghệ kỹ thuật ô tô:
 - Nhận tiền **từ ngày 21/05/2026 đến hết ngày 22/05/2026;**

Khi đến nhận, sinh viên xem số thứ tự trong danh sách và báo bộ phận chi trả tiền kiểm tra nhằm thuận lợi và nhanh chóng trong quá trình thực hiện (*đính kèm danh sách*).

* **Lưu ý:** - Sinh viên đến nhận tiền nhớ mang theo thẻ sinh viên/căn cước công dân để xuất trình khi nhận tiền.

Trong quá trình thực hiện nếu cần hỗ trợ, sinh viên có thể liên hệ qua email tckt@hitu.edu.vn hoặc liên hệ theo số điện thoại 028.37312369 gặp Cô Việt hoặc Cô Trâm.

Phòng Tài chính Kế toán thông báo để sinh viên biết và liên hệ nhận tiền./.

Nơi nhận:

- Phòng CTHSSV “để biết”;
- Cố vấn học tập “TB cho sinh viên”;
- Lưu TCKT.

**PHÒNG TCKT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Lê Thị Tâm

Số: 310 /QĐ-CDCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi trả tiền giảm 70% học phí cho sinh viên khóa 48 nhóm ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Học kỳ 2, Năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả tiền giảm 70% học phí cho 581 sinh viên ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khóa 48 học kỳ 2 của năm học 2025 – 2026 (có danh sách kèm theo) như sau:

1. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí (mã ngành 6510201) 147 sinh viên với số tiền 746.025.000 đồng;
2. Ngành Công nghệ chế tạo máy (mã ngành 6510212) 66 sinh viên với số tiền 334.950.000 đồng;
3. Ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (mã ngành 6510303) 67 sinh viên với số tiền 340.025.000 đồng.
4. Ngành Điện công nghiệp (mã ngành 6520227) 64 sinh viên với số tiền 324.800.000 đồng.
5. Ngành kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (mã ngành 6520205) 32 sinh viên với số tiền 162.400.000 đồng.
6. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô (mã ngành 6510202) 205 sinh viên với số tiền 1.040.375.000 đồng;

Tổng số sinh viên khóa 48 ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được nhận tiền giảm 70% học phí học kỳ 2 năm học 2025 - 2026 lần 2 là **581** sinh viên với số tiền **2.948.575.000** đồng (*Hai tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác học sinh viên, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng, khoa có liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, CTHSSV.



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 312/QĐ-CDCT, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
KHÓA 48 (2024 - 2027) NGÀNH CÔNG NGHỆ KT CƠ KHÍ											
1	Nguyễn Thanh Tâm	22/02/2004	CCQ2403A	2124030001	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
2	Huỳnh Văn Huy	20/04/2005	CCQ2403A	2124030003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
3	Nguyễn Hữu Lân Dũng	14/12/2005	CCQ2403A	2124030004	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
4	Nguyễn Hoài Phước Thịnh	10/03/2006	CCQ2403A	2124030008	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
5	Huỳnh Minh Kha	07/04/2006	CCQ2403A	2124030009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
6	Lê Quang Thông	31/07/2006	CCQ2403A	2124030010	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
7	Trần Đình Sơn	22/03/2006	CCQ2403A	2124030011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
8	Đoàn Công Danh	13/06/2006	CCQ2403A	2124030012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
9	Nguyễn Hoài An	19/11/2006	CCQ2403A	2124030014	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
10	Nguyễn Văn Vinh	19/12/2006	CCQ2403A	2124030015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
11	Đinh Quang Hậu	26/10/2006	CCQ2403A	2124030016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
12	Trần Văn Trọng Tú	03/03/2006	CCQ2403A	2124030017	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
13	Nguyễn Thanh Phong	22/04/2006	CCQ2403A	2124030018	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
14	Vũ Hồng Công Đại	26/05/2005	CCQ2403A	2124030019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
15	Đỗ Quốc Ti	15/10/2006	CCQ2403A	2124030020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
16	Chu Minh Đức	14/12/2005	CCQ2403A	2124030021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
17	Lý Kiến Mẫn	05/12/2006	CCQ2403A	2124030022	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
18	Trần Hữu Tính	17/12/2006	CCQ2403A	2124030023	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
19	Đoàn Phát Tài	13/09/2006	CCQ2403A	2124030024	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
20	Nguyễn Trần Từ Thức	24/06/2006	CCQ2403A	2124030025	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
21	Phùng Lý Phước	02/05/2001	CCQ2403A	2124030028	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
22	Quách Đại Tứ	17/01/2006	CCQ2403A	2124030029	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
23	Nguyễn Hải Quy	01/03/2006	CCQ2403A	2124030030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Hữu Nhật	20/03/2006	CCQ2403A	2124030031	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
25	Ngô Quan Bảo	28/03/2006	CCQ2403A	2124030032	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
26	Phí Đăng Minh	10/12/2006	CCQ2403A	2124030035	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
27	Nguyễn Bùi Khánh Toàn	17/04/2006	CCQ2403B	2124030039	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
28	Mai Văn Phước	09/01/2006	CCQ2403B	2124030040	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
29	Nguyễn Hữu Huy	25/08/2006	CCQ2403B	2124030041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
30	Đào Hoàng Huy	16/10/2006	CCQ2403B	2124030042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
31	Trần Minh Trí	20/09/2006	CCQ2403B	2124030043	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
32	Nguyễn Minh Hiếu	24/04/2006	CCQ2403B	2124030044	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
33	Trương Ngô Quốc Hưng	26/08/2006	CCQ2403B	2124030046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
34	Lương Trọng Hiếu	17/03/2006	CCQ2403B	2124030047	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
35	Huỳnh Thanh Huy	21/07/2006	CCQ2403B	2124030048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
36	Nguyễn Chí Vĩnh	27/11/2005	CCQ2403B	2124030050	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
37	Dương Văn Tuấn	03/10/2004	CCQ2403B	2124030051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
38	Đào Duy Ý	14/12/2006	CCQ2403B	2124030052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
39	Nguyễn Hồ Hữu Dân	10/11/2006	CCQ2403B	2124030053	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
40	Trần Gia Huy	04/01/2006	CCQ2403B	2124030054	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
41	Trần Minh Thành	27/10/2006	CCQ2403B	2124030055	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
42	Nguyễn Thanh Hà	19/03/2006	CCQ2403B	2124030058	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
43	Huỳnh Trọng Nghĩa	23/03/2006	CCQ2403B	2124030060	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
44	Lê Trường Sinh	01/03/2006	CCQ2403B	2124030061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
45	Phạm Thành Nhân	27/07/2006	CCQ2403B	2124030062	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
46	Trần Chí Văn	28/03/2006	CCQ2403B	2124030063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
47	Phan Hữu Nhật Tân	18/10/2006	CCQ2403B	2124030066	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
48	Nguyễn Công Ninh	03/12/2006	CCQ2403B	2124030067	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
49	Huỳnh Văn Thương	06/01/2006	CCQ2403B	2124030068	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
50	Trần Đăng Quang	01/05/2006	CCQ2403B	2124030070	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
51	Đỗ Nguyễn Tường Văn	03/07/2006	CCQ2403C	2124030072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
52	Hồ Minh Sin	27/07/2005	CCQ2403C	2124030073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
53	Nguyễn Văn Tình	27/11/2006	CCQ2403C	2124030074	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
54	Trịnh Nguyên Phát	17/06/2005	CCQ2403C	2124030076	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
55	Trần Minh Quân	09/10/2006	CCQ2403C	2124030077	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
56	Thập Thuận Anh Duy	12/11/2006	CCQ2403C	2124030078	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
57	Nguyễn Lê Nhật Hưng	16/01/2006	CCQ2403C	2124030081	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
58	Trần Ngọc Quân	19/08/2006	CCQ2403C	2124030082	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
59	Nguyễn Công Trứ	06/10/2006	CCQ2403C	2124030084	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
60	Lê Văn Long	07/11/2005	CCQ2403C	2124030085	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
61	Nguyễn Văn Phẩm	29/04/2006	CCQ2403C	2124030086	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
62	Trần Quốc Huy	06/10/2006	CCQ2403C	2124030087	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
63	Lê Đình Văn	23/06/2006	CCQ2403C	2124030088	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
64	Nguyễn Đông Hữu	16/03/2006	CCQ2403C	2124030089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
65	Phạm Tuấn Vũ	10/01/2006	CCQ2403C	2124030090	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
66	Dương Hoài An	13/04/2006	CCQ2403C	2124030091	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
67	Phạm Hữu Thanh	29/10/2005	CCQ2403C	2124030093	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
68	Thạch Hoàng Phúc	12/07/2006	CCQ2403C	2124030097	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
69	Trần Quốc Vinh	26/05/2006	CCQ2403C	2124030098	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
70	Nguyễn Thiện Nhân	10/04/2006	CCQ2403C	2124030099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
71	Nguyễn Văn Hiền Dương	23/08/2006	CCQ2403C	2124030100	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
72	Mai Thành Long	17/01/2006	CCQ2403C	2124030101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
73	Nguyễn Hữu Tài	05/11/2006	CCQ2403C	2124030102	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
74	Nguyễn Thanh Thảo	23/05/2006	CCQ2403C	2124030103	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
75	Lê Quốc Huy	23/06/2006	CCQ2403C	2124030104	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
76	Đặng Hồng Thắng	29/05/2006	CCQ2403C	2124030105	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
77	Trương Thanh Tâm	25/11/2006	CCQ2403D	2124030106	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
78	Phan Trường Vũ	20/04/2006	CCQ2403D	2124030109	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
79	Nguyễn Phúc Hưng	03/03/2006	CCQ2403D	2124030110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
80	Nguyễn Toàn Thắng	11/01/2006	CCQ2403D	2124030111	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
81	Phùng Tấn Trục	10/08/2006	CCQ2403D	2124030113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
82	Nguyễn Ngọc Hùng	12/10/2006	CCQ2403D	2124030115	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
83	Nguyễn Tấn Tiên	12/08/2006	CCQ2403D	2124030117	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
84	Hồ Lê Kiên	01/05/2006	CCQ2403D	2124030118	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
85	Nguyễn Ngọc Sanh	27/05/2006	CCQ2403D	2124030119	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
86	Nguyễn Hoàng Sơn	14/06/2006	CCQ2403D	2124030120	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
87	Nguyễn Ngọc Sinh	22/11/2006	CCQ2403D	2124030124	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
88	Võ Hữu Khải	24/02/2006	CCQ2403D	2124030128	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
89	Phùng Việt Nhất	09/07/2006	CCQ2403D	2124030132	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
90	Cao Nhật Chí	01/02/2006	CCQ2403D	2124030134	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
91	Phạm Thế Nhân	02/06/2006	CCQ2403D	2124030135	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
92	Trần Tuấn Duy	09/06/2006	CCQ2403D	2124030136	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
93	Trần Quang Được	01/01/2006	CCQ2403D	2124030138	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
94	Phạm Khắc Phi	05/10/2006	CCQ2403E	2124030145	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
95	Trần Đức Huy	05/05/2006	CCQ2403E	2124030146	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
96	Nguyễn Gia Kiệt	18/01/2006	CCQ2403E	2124030147	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
97	Lê Anh Tuấn	21/05/2004	CCQ2403E	2124030154	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
98	Cáp Xuân Đông	20/04/2006	CCQ2403E	2124030155	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
99	Lâm Minh Thông	20/10/2005	CCQ2403E	2124030156	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
100	Thành Ngọc Sơn	12/04/2005	CCQ2403E	2124030157	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
101	Lê Thanh Trí	22/03/2006	CCQ2403E	2124030158	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
102	Đặng Việt Khánh	22/10/2006	CCQ2403E	2124030159	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
103	Lưu Nguyễn Duy Khoa	17/05/2006	CCQ2403E	2124030160	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
104	Đặng Lâm Đồng	08/10/2006	CCQ2403E	2124030162	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
105	Nguyễn Thành Nhân	20/01/2006	CCQ2403E	2124030163	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
106	Trần Anh Minh	25/01/2006	CCQ2403E	2124030164	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
107	Lê Bá Minh	09/06/2005	CCQ2403E	2124030165	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
108	Nguyễn Văn Ngo	18/11/2006	CCQ2403E	2124030166	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
109	Hồ Thanh Bảo	28/04/2006	CCQ2403E	2124030168	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
110	Nguyễn Hữu Doanh	17/06/2006	CCQ2403E	2124030169	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
111	Nguyễn Thái Học	19/08/2006	CCQ2403E	2124030170	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
112	Hoàng Văn Lương	07/02/2006	CCQ2403E	2124030171	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
113	Nguyễn Văn Phú	18/08/2005	CCQ2403E	2124030173	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
114	Nguyễn Đình Vũ	16/10/2006	CCQ2403E	2124030174	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
115	Lâm Quốc Thoại	08/02/2005	CCQ2403F	2124030176	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
116	Nguyễn Hoàng Anh	01/01/2006	CCQ2403F	2124030178	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
117	Võ Lê Tấn Bin	25/09/2006	CCQ2403F	2124030180	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
118	Nguyễn Hoàng Huy	21/09/2006	CCQ2403F	2124030181	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
119	Trần Minh Hoàng	04/07/2006	CCQ2403F	2124030182	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
120	Lê Thanh Nam	02/02/2006	CCQ2403F	2124030183	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
121	Lê Ngọc Bảo	11/11/2006	CCQ2403F	2124030184	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
122	Nguyễn Tiến Đạt	19/06/2006	CCQ2403F	2124030185	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
123	Hồ Nhật Mạnh	30/09/2006	CCQ2403F	2124030187	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
124	Đỗ Quốc Thịnh	25/12/2006	CCQ2403F	2124030189	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
125	Trương Ngọc Công	29/03/2006	CCQ2403F	2124030191	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
126	Bùi Anh Tân	04/03/2006	CCQ2403F	2124030193	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
127	Nguyễn Tấn Phát	24/11/2006	CCQ2403F	2124030194	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
128	Phạm Mai Đại Phúc	19/05/2006	CCQ2403F	2124030196	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
129	Trần Khánh Duy	31/03/2006	CCQ2403F	2124030197	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
130	Đinh Nguyên Hoàng	11/04/2006	CCQ2403F	2124030198	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
131	Lê Thanh Long	18/06/2006	CCQ2403D	2124030201	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
132	Nguyễn Thái Khang	10/07/2006	CCQ2403F	2124030202	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
133	La Tấn	13/01/2005	CCQ2403F	2124030204	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
134	Phạm Văn Thuận	25/10/2006	CCQ2403F	2124030205	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
135	Bùi Thanh Tú	29/05/2006	CCQ2403F	2124030207	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
136	Tô Thành Vỹ	19/12/2006	CCQ2403F	2124030208	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
137	Nguyễn Tiến Hùng	04/11/2006	CCQ2403F	2124030209	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
138	Lê Quang Luật	15/03/2006	CCQ2403F	2124030210	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
139	Nguyễn Thanh Giàu	17/12/2006	CCQ2403F	2124030211	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
140	Nguyễn Ngọc Kim Thi	21/10/2006	CCQ2403F	2124030212	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
141	Lý Như Kiệt	25/03/2006	CCQ2403F	2124030214	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
142	Phạm Xuân Huy	19/10/2006	CCQ2403D	2124030218	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
143	Hoàng Vương	21/05/1997	CCQ2403C	2124030220	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
144	Nguyễn Ngô Hoàng Anh	15/04/2006	CCQ2403B	2124030222	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
145	Nguyễn Hồ Nhật Huy	25/05/2006	CCQ2403D	2124030226	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
146	Phan Xuân Dũng	28/03/2006	CCQ2403C	2124030232	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
147	Hà Minh Tuệ	27/10/2005	CCQ2403G	2124030238	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 48: 147 SINH VIÊN						147			746.025.000		

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 312/QĐ-CDCT, ngày: 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
KHÓA 48 (2024 - 2027) NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY						66			334.950.000		
1	Nguyễn A Phi	10/10/2003	CCQ2404A	2124040001	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
2	Lê Phước Lợi	16/05/2000	CCQ2404A	2124040002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
3	Lê Huỳnh Thanh Sang	01/12/2006	CCQ2404A	2124040004	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
4	Trương Chí Quốc	13/05/2003	CCQ2404A	2124040005	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
5	Mai Ngọc Huy	30/01/2006	CCQ2404A	2124040007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
6	Vũ Hải Đăng	28/09/2006	CCQ2404A	2124040008	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
7	Đặng Hồ Thanh Phương	28/12/2006	CCQ2404A	2124040009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
8	Phạm Lữ Hoài Phương	30/09/2006	CCQ2404A	2124040010	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
9	Dương Trung Kiên	15/08/2006	CCQ2404A	2124040011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
10	Lê Trung Nhân	08/02/2000	CCQ2404A	2124040012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
11	Trần Chí Bảo	15/01/2006	CCQ2404A	2124040014	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
12	Bùi Tuấn Khang	25/05/2006	CCQ2404A	2124040015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
13	Lê Anh Khoa	04/11/2006	CCQ2404A	2124040016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
14	Nguyễn Đỗ Duy Khang	23/01/2006	CCQ2404A	2124040020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
15	Đinh Trọng Huyền	31/08/2006	CCQ2404A	2124040021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
16	Trần Văn Huy	12/10/2006	CCQ2404A	2124040022	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
17	Lê Đức Thor	11/07/2005	CCQ2404A	2124040023	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
18	Trần Hoàng Nhân	24/08/2006	CCQ2404A	2124040024	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
19	Nguyễn Quân	07/04/2006	CCQ2404A	2124040027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
20	Huỳnh Văn Hiền	15/02/2006	CCQ2404A	2124040028	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
21	Trần Gia Thoại	16/08/2006	CCQ2404A	2124040029	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
22	Nguyễn Anh Khoa	30/04/2006	CCQ2404A	2124040030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
23	Nguyễn Hoàng Việt	10/05/2006	CCQ2404A	2124040031	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Thanh Phúc	31/12/2006	CCQ2404A	2124040035	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
25	Nguyễn Đình Quyết	18/12/2005	CCQ2404B	2124040036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
26	Lê Trần Tiến	02/01/2006	CCQ2404B	2124040038	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
27	Trần Văn Hoàn	26/02/2006	CCQ2404B	2124040040	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
28	Nguyễn Thành Nhật	05/03/2006	CCQ2404B	2124040041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
29	Nguyễn Văn An	03/10/2005	CCQ2404B	2124040042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
30	Nguyễn Văn Kiệt	03/11/2006	CCQ2404B	2124040045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
31	Ngô Đức Hải	13/04/2006	CCQ2404B	2124040046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
32	Huỳnh Tấn Kiên	04/05/2006	CCQ2404B	2124040048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
33	Nguyễn Văn Thuận	13/03/2006	CCQ2404B	2124040051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
34	Nguyễn Tiến Đạt	11/09/2006	CCQ2404B	2124040052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
35	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	30/09/2006	CCQ2404B	2124040057	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
36	Trần Lê Bảo Minh	03/08/2006	CCQ2404B	2124040060	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
37	Nguyễn Duy Nhất	01/01/2006	CCQ2404B	2124040061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
38	Nguyễn Minh Khoa	25/08/2006	CCQ2404B	2124040063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
39	Ngô Quang Huy	11/11/2006	CCQ2404B	2124040064	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
40	Nguyễn Đức Huy	15/01/2006	CCQ2404B	2124040068	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
41	Lê Đăng Sơn	28/10/2006	CCQ2404B	2124040069	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
42	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	24/11/2005	CCQ2404C	2124040071	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

NG
TRƯỜNG
VÔ ĐẠ
IG TH
TÀNH
CHÍ I
★

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
43	Võ Minh Đức	27/11/2006	CCQ2404C	2124040072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
44	Võ Nguyên Hạo	02/10/2006	CCQ2404C	2124040073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
45	Bùi Ngọc Thắng	05/01/2006	CCQ2404C	2124040074	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
46	Lê Hoàng Đình Thúc	12/09/2002	CCQ2404C	2124040075	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
47	Trần Minh Vũ	15/09/2006	CCQ2404C	2124040076	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
48	Nguyễn Văn Tài	05/03/2006	CCQ2404C	2124040077	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
49	Nguyễn Đình Văn Trường	12/01/2006	CCQ2404C	2124040078	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
50	Nguyễn Thành Duy	14/07/2006	CCQ2404C	2124040082	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
51	Lê Minh Lực	06/06/2002	CCQ2404C	2124040083	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
52	Phạm Hữu Tài	03/02/2006	CCQ2404C	2124040089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
53	Mai Đức Huy	24/06/2006	CCQ2404C	2124040091	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
54	Trần Nhật Huy	25/02/2005	CCQ2404B	2124040095	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
55	Võ Tấn Đạt	18/12/2005	CCQ2404C	2124040098	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
56	Đỗ Anh Phi	20/12/2006	CCQ2404C	2124040099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
57	Lưu Văn Thuận	21/05/2005	CCQ2404C	2124040101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
58	Phan Thành Danh	18/04/1997	CCQ2404C	2124040103	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70 % học phí	Ký nhận
59	Hồ Trường Hùng	10/04/2006	CCQ2404C	2124040105	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
60	Nguyễn Trần Đức Thiên	22/03/2006	CCQ2404C	2124040106	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
61	Nguyễn Thanh Nghiêm	10/09/2006	CCQ2404C	2124040109	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
62	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	16/04/2006	CCQ2404A	2124040110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
63	Nguyễn Phú Duy Đức	14/11/2006	CCQ2404C	2124040112	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
64	Trương Văn Trí	28/11/2001	CCQ2404C	2124040113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
65	Võ Công Nguyên	29/09/2005	CCQ2404D	2124040114	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
66	Nguyễn Thành Vương	20/05/2006	CCQ2404D	2124040116	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 48:						66			334.950.000		

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 310/QĐ-CDCT, ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
KHÓA 48 (2024 - 2027) NGÀNH CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ											
1	Thiều Quang Tấn Yên	04/07/2006	CCQ2406A	2124060002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
2	Huỳnh Minh Nhựt	29/11/2006	CCQ2406A	2124060003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
3	Hồ Tuấn Anh	17/08/2006	CCQ2406A	2124060005	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
4	Chu Viết Bảo	04/12/2006	CCQ2406A	2124060006	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
5	Nguyễn Duy Quang	30/06/2006	CCQ2406A	2124060007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
6	Lê Văn Thạch	11/04/2006	CCQ2406A	2124060011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
7	Ngô Công Hoan	02/11/2006	CCQ2406A	2124060015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
8	Phạm Thành Khương	29/01/2006	CCQ2406A	2124060016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
9	Ngô Quốc Thiện	28/04/2006	CCQ2406A	2124060017	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
10	Trịnh Thông Minh	08/11/2006	CCQ2406A	2124060018	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
11	Dương Trung Ngọc	30/05/2006	CCQ2406A	2124060019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
12	Phạm Văn Định	02/09/2006	CCQ2406A	2124060021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
13	Nguyễn Đình Tiên	14/01/2006	CCQ2406A	2124060023	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
14	Đỗ Thành Thắng	10/05/2006	CCQ2406A	2124060024	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
15	Vương Toàn Lợi	04/10/2006	CCQ2406A	2124060026	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
16	Tạ Quang Nguyên	14/04/2006	CCQ2406A	2124060027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
17	Lê Bá Tường	23/01/2006	CCQ2406A	2124060029	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
18	Nguyễn Quốc Việt	14/10/2006	CCQ2406A	2124060031	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
19	Nguyễn Phi Khánh	16/05/2006	CCQ2406A	2124060033	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
20	Mai Duy Dũng	24/07/2006	CCQ2406B	2124060036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
21	Trần Trung Hiếu	12/06/2006	CCQ2406B	2124060037	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
22	Nguyễn Khắc Hoàng	25/10/2006	CCQ2406B	2124060039	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
23	Nguyễn Thành Viên	10/01/2001	CCQ2406B	2124060041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
24	Võ Văn Thắng	13/11/2005	CCQ2406B	2124060042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
25	Trần Thành Nhân	10/12/2006	CCQ2406B	2124060043	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
26	Huỳnh Viễn Khoa	23/09/2004	CCQ2406B	2124060045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
27	Nguyễn Thị Ngọc Linh	18/02/2006	CCQ2406B	2124060046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
28	Nguyễn Tấn Phát	21/05/2006	CCQ2406B	2124060048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
29	Lâm Trường Vũ	06/04/2005	CCQ2406B	2124060049	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
30	Nguyễn Phước Lành	31/12/2004	CCQ2406B	2124060050	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
31	Phùng Đình Trọng	23/07/2005	CCQ2406B	2124060051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
32	Trần Minh Xuân Thành	10/12/2006	CCQ2406B	2124060052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
33	Trương Quang Trinh	15/03/2006	CCQ2406B	2124060056	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
34	Hồ Trung Kiên	04/11/2006	CCQ2406B	2124060059	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
35	Võ Tấn Trung	10/03/2006	CCQ2406B	2124060061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
36	Huỳnh Dương Sang	17/11/2006	CCQ2406B	2124060066	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
37	Lê Thị Thu Thảo	29/09/2006	CCQ2406B	2124060069	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

(C)
 RƯỜNG
 O ĐÃ
 G THƯ
 ANH P
 CHỈ M

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
38	Nguyễn Văn Vương	12/01/2006	CCQ2406C	2124060073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
39	Trần Đức Huy	20/02/2006	CCQ2406C	2124060076	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
40	Nguyễn Minh Quang	22/07/2006	CCQ2406C	2124060080	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
41	Bùi Đình Phong	23/07/2006	CCQ2406C	2124060087	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
42	Phạm Quốc Huy	16/12/2005	CCQ2406C	2124060089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
43	Nguyễn Quang Vũ	04/12/2006	CCQ2406C	2124060090	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
44	Nguyễn Văn Hào	02/05/2004	CCQ2406C	2124060091	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
45	Siu Ron	19/10/2006	CCQ2406C	2124060095	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
46	Nguyễn Tấn Đức	07/06/2006	CCQ2406C	2124060097	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
47	Phan Gia Phúc Tú	14/02/2006	CCQ2406C	2124060101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
48	Điền Huy Vân	29/11/2006	CCQ2406B	2124060102	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
49	Nguyễn Minh Mẫn	01/01/2006	CCQ2406C	2124060104	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
50	Lê Công Hùng	25/02/2006	CCQ2406C	2124060105	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
51	Phan Trà My	09/01/2006	CCQ2406C	2124060106	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
52	Mai Anh Tuấn	04/02/2006	CCQ2406C	2124060107	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
53	Phạm Phi Bảo	05/03/2006	CCQ2406C	2124060108	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
54	Đặng Đức Nam	18/09/2006	CCQ2406C	2124060109	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
55	Phạm Văn Tiền	21/01/2006	CCQ2406C	2124060110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
56	Nguyễn Trịnh Đình Hải	01/11/2004	CCQ2406D	2124060113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
57	Hoàng Thế Hiếu	15/10/2006	CCQ2406C	2124060114	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
58	Hoàng Lê Tuấn Anh	06/08/2006	CCQ2406D	2124060115	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
59	Nguyễn Mạnh Hào Nam	03/12/2004	CCQ2406D	2124060116	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
60	Trịnh Công Minh	11/12/2006	CCQ2406D	2124060117	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
61	Nguyễn Đăng Khoa	14/03/2006	CCQ2406D	2124060118	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
62	Nguyễn Thị Anh Thư	20/12/2006	CCQ2406D	2124060119	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
63	Hồ Minh Trí	21/08/2005	CCQ2406D	2124060122	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
64	Vũ Đức Hoà	04/01/2006	CCQ2406D	2124060125	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
65	Lý Kỳ Vỹ	19/08/2003	CCQ2406D	2124060128	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	



Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
66	Trần Duy Nhân	02/10/2006	CCQ2406B	2124060131	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
67	Đỗ Duy Tài	09/10/2005	CCQ2406D	2124060137	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 48:						67			340.025.000		

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 05 năm 2026

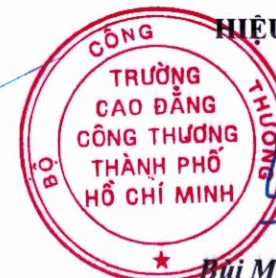
NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Mạnh Tuấn

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026

Kèm theo quyết định số: 310./QĐ-CDCT, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
	KHÓA 48 (2024 - 2027) NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP					64			324.800.000		
1	Khổng Bảo Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	2124330001	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
2	Nguyễn Thành Toàn	10/11/2006	CCQ2433A	2124330010	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
3	Nguyễn Văn Thành	11/03/2004	CCQ2433A	2124330011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
4	Dương Hữu Bảo	22/09/2004	CCQ2433A	2124330012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
5	Khổng Vũ Tiến Hưng	27/11/2005	CCQ2433A	2124330020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
6	Lê Quốc Long	03/01/2006	CCQ2433A	2124330022	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
7	Đào Tiến Lắm	08/07/2005	CCQ2433A	2124330025	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
8	Hồ Văn Ninh	26/03/2006	CCQ2433A	2124330026	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
9	Nguyễn Văn Khánh	12/12/2005	CCQ2433A	2124330027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
10	Nguyễn Thanh Quy	05/02/2006	CCQ2433A	2124330028	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
11	Châu Đạo Thiên Tứ	07/06/2006	CCQ2433A	2124330030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
12	Lê Hoàng Thắng	10/09/2006	CCQ2433A	2124330033	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
13	Lê Quốc Huy	29/06/2006	CCQ2433A	2124330035	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
14	Huỳnh Nguyễn Hữu Quý	16/06/2005	CCQ2433A	2124330036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
15	Nguyễn Tấn Phong	01/02/2006	CCQ2433A	2124330037	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
16	Nguyễn Quang Hiếu	08/12/2006	CCQ2433A	2124330040	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
17	Nguyễn Xuân Trường	08/09/2006	CCQ2433A	2124330041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
18	Trần Hoài Nam	08/04/2006	CCQ2433A	2124330042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
19	Nguyễn Hải Bằng	14/04/2006	CCQ2433B	2124330043	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
20	Võ Minh Hiền	23/06/2006	CCQ2433B	2124330045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
21	Phạm Ngọc Hóa	24/04/2003	CCQ2433B	2124330046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
22	Nguyễn Văn Phát	30/04/2006	CCQ2433B	2124330047	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
23	Trương Đan Huy	06/11/2005	CCQ2433B	2124330048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
24	Chu Gia Huy	25/01/2006	CCQ2433B	2124330049	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
25	Cao Hữu Gia Nghĩa	11/04/2006	CCQ2433B	2124330050	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
26	Phan Văn Thắng	25/11/2005	CCQ2433B	2124330052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
27	Nguyễn Văn Thanh	31/07/2006	CCQ2433B	2124330054	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
28	Nguyễn Mạnh Thắng	03/04/2006	CCQ2433B	2124330057	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
29	Phạm Anh Đạt	08/05/2006	CCQ2433B	2124330059	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
30	Nguyễn Chí Đạt	08/02/2005	CCQ2433B	2124330060	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
31	Nguyễn Phạm Thanh	25/10/2006	CCQ2433B	2124330061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
32	Võ Đăng Thành Đạt	08/03/2002	CCQ2433B	2124330062	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
33	Nguyễn Hoàng Phú	29/01/2006	CCQ2433B	2124330063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
34	Nguyễn Viết Trọng	02/07/2006	CCQ2433B	2124330064	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
35	Nguyễn Đức Trọng	05/08/2006	CCQ2433B	2124330065	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
36	Vũ Xuân Thành	07/07/2006	CCQ2433B	2124330066	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
37	Ngô Võ Xuân Khôi	19/06/2006	CCQ2433B	2124330067	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
38	Huỳnh Văn Nguyên	11/09/2006	CCQ2433B	2124330068	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
39	Trần Văn Công	28/04/2006	CCQ2433B	2124330070	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
40	Nguyễn Văn Gia Huy	18/12/2006	CCQ2433B	2124330071	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
41	Đỗ Hoàng Khánh	26/04/2005	CCQ2433B	2124330072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
42	Đàng Đức Tiến	25/03/2006	CCQ2433B	2124330073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

NG
TRƯỜNG
AO ĐÀ
IG THU
ANH P
CHÍ M
★

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
43	Nguyễn Huỳnh Trung Tín	18/09/2006	CCQ2433B	2124330074	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
44	Phan Chí Trí	10/03/2006	CCQ2433B	2124330075	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
45	Đạo Hoàng Thanh Thắng	22/10/2006	CCQ2433B	2124330076	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
46	Lê Anh Vũ	19/08/2006	CCQ2433B	2124330077	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
47	Nguyễn Hải Quốc	15/10/2006	CCQ2433C	2124330081	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
48	Trần Văn Pháp	25/01/2006	CCQ2433C	2124330082	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
49	Huỳnh Văn Vinh	08/03/2006	CCQ2433C	2124330083	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
50	Nguyễn Quang Quân	04/12/2006	CCQ2433C	2124330084	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
51	Trương Văn Nhiều	16/10/2005	CCQ2433C	2124330087	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
52	Trần Văn Quý	02/08/2006	CCQ2433C	2124330088	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
53	Hán Vương Quốc Anh	25/06/2006	CCQ2433C	2124330089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
54	Bùi Trường Giang	17/02/2006	CCQ2433C	2124330090	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
55	Lê Tài Anh	27/12/2005	CCQ2433C	2124330091	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
56	Phạm Minh Trí	25/06/2006	CCQ2433C	2124330092	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
57	Nguyễn Hồng Phúc	04/07/2006	CCQ2433C	2124330095	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
58	Thái Trường Sơn	02/11/2006	CCQ2433B	2124330097	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
59	Patauxá Minh	01/10/2005	CCQ2433C	2124330099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
60	Phạm Hồng Anh	17/12/2006	CCQ2433C	2124330103	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
61	Cao Quốc Minh	22/09/2006	CCQ2433C	2124330105	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
62	Nguyễn Hữu Quốc Luân	09/09/2006	CCQ2433C	2124330107	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
63	Vũ Văn Hợp	09/10/1999	CCQ2433C	2124330110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
64	Lý Hoàng Anh	06/08/2006	CCQ2433A	2124260086	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520227	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 48:						64			324.800.000		

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 310./QĐ-CDCT, ngày: 01 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
KHÓA 48 (2024 - 2027) KT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ											
1	Nguyễn Quang Nhân	09/12/2006	CCQ2434A	2124340002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
2	Phạm Việt Nam	04/09/2006	CCQ2434A	2124340003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
3	Phạm Minh Hiếu	28/03/2005	CCQ2434A	2124340004	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
4	Hồ Tường Duy	09/09/2006	CCQ2434A	2124340005	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
5	Nguyễn Chí Toàn	14/04/2006	CCQ2434A	2124340007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
6	Trần Minh Đăng Khoa	09/06/2006	CCQ2434A	2124340008	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
7	Nguyễn Hữu Hiếu	13/07/2006	CCQ2434A	2124340009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
8	Hồ Quốc Huy	19/11/2006	CCQ2434A	2124340011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
9	Nguyễn Ngọc Hoàng Lâm	20/04/2006	CCQ2434A	2124340012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
10	Nguyễn Long Nhật	27/04/2006	CCQ2434A	2124340013	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
11	Trần Ngọc Quý	09/04/2006	CCQ2434A	2124340016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
12	Nguyễn Phước Hưng	22/05/2006	CCQ2434A	2124340017	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
13	Hà Hoàng Nhân	01/09/2006	CCQ2434A	2124340018	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
14	Nguyễn Thành Phát	06/05/2006	CCQ2434A	2124340019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
15	Nguyễn Trần Bá Duy	05/05/2006	CCQ2434A	2124340020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
16	Cao Bảo Duy	16/01/2006	CCQ2434A	2124340021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
17	Hồ Tấn Trí	10/05/2005	CCQ2434A	2124340022	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
18	Nguyễn Trọng Thạch	01/01/2006	CCQ2434A	2124340023	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
19	Nguyễn Duy Tân	24/06/2006	CCQ2434A	2124340024	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
20	Nguyễn Khắc Vỹ	01/02/2006	CCQ2434A	2124340025	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
21	Trần Đức Niên	09/04/2006	CCQ2434A	2124340026	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
22	Trần Nguyễn Minh Nguyệt	15/01/2006	CCQ2434A	2124340027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
23	Nguyễn Xuân Hùng	10/12/2006	CCQ2434A	2124340028	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
24	Võ Văn Huy	16/10/2006	CCQ2434A	2124340030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
25	Hồ Kiệt	06/11/2006	CCQ2434A	2124340031	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
26	Huỳnh Gia Bảo	16/10/2006	CCQ2434A	2124340033	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
27	Lê Trung Thiên	27/11/2006	CCQ2434A	2124340035	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
28	Đoàn Nhật Quang	04/07/2006	CCQ2434A	2124340036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
29	Nguyễn Bảo Châu	01/10/2006	CCQ2434A	2124340037	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
30	Dương Nguyên Anh	20/04/2006	CCQ2434A	2124340038	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
31	Trần Minh Việt	18/09/2006	CCQ2434A	2124340039	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
32	Lê Tuấn Anh	27/10/2006	CCQ2434A	2124340006	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6520205	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
TỔNG CỘNG KHÓA 48:						32			162.400.000		

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 3.10./QĐ-CDCT, ngày 01 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
KHÓA 48 (2024 - 2027) NGÀNH CÔNG NGHỆ KT Ô TÔ											
1	Hoàng Anh Tuấn	06/06/2000	CCQ2417A	2124170001	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
2	Nguyễn Đức Vượng	03/03/2002	CCQ2417A	2124170002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
3	Nguyễn Lâm Vũ	22/07/2005	CCQ2417A	2124170003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
4	Bùi Quốc Thịnh	05/11/2005	CCQ2417A	2124170006	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
5	Kiên Quốc Bảo	12/09/2005	CCQ2417A	2124170007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
6	Nguyễn Ngọc Thịnh	13/01/2005	CCQ2417A	2124170009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
7	Võ Quý Thể	21/05/2006	CCQ2417A	2124170012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
8	Đặng Minh Nhật	18/07/2006	CCQ2417A	2124170014	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
9	Võ Minh Nhựt	05/03/2006	CCQ2417A	2124170015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
10	Vũ Bùi Xuân Hiếu	02/03/2006	CCQ2417A	2124170016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
11	Nguyễn Minh Vũ	13/03/2006	CCQ2417A	2124170018	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
12	Võ Nhựt Hào	31/08/2006	CCQ2417A	2124170019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
13	Đinh Thanh Phím	10/05/2006	CCQ2417A	2124170020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
14	Võ Quốc Thiện	12/09/2006	CCQ2417A	2124170021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
15	Nguyễn Hồng Khiêm	18/04/2004	CCQ2417A	2124170022	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
16	Phạm Hoàng Quân	24/01/2006	CCQ2417A	2124170027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
17	Nguyễn Tấn Tài	05/10/2006	CCQ2417A	2124170029	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
18	Nguyễn Quang Vũ	14/06/2006	CCQ2417A	2124170030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
19	Nguyễn Võ Ngọc Phước Bảo	02/12/2006	CCQ2417A	2124170032	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
20	Nguyễn Nhật Khánh Văn	03/12/2006	CCQ2417B	2124170036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
21	Nguyễn Mạnh Tuấn	28/03/2006	CCQ2417B	2124170037	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
22	Châu Gia Huy	03/10/2006	CCQ2417B	2124170038	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
23	Trần Gia Đức	15/01/2006	CCQ2417B	2124170039	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Việt Hưng	15/10/2006	CCQ2417B	2124170040	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
25	Lê Văn Trung Thiện	14/04/2006	CCQ2417B	2124170041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
26	Bùi Nhật Đăng	07/07/2006	CCQ2417B	2124170042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
27	Huỳnh Tiến Đạt	29/06/2006	CCQ2417B	2124170043	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
28	Phạm Thanh Phong	04/09/2006	CCQ2417B	2124170045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
29	Nguyễn Xuân Tịnh	27/10/2006	CCQ2417B	2124170046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
30	Lê Võ Thanh Toàn	19/08/2006	CCQ2417B	2124170047	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
31	Trần Linh An	03/09/2006	CCQ2417B	2124170048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
32	Nguyễn Trọng Phúc	28/02/2006	CCQ2417B	2124170049	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
33	Nguyễn Quốc Trung	14/07/2006	CCQ2417B	2124170050	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
34	Lê Minh Thiên	13/04/2006	CCQ2417B	2124170051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
35	Lê Thanh Hoài	03/01/2006	CCQ2417B	2124170052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
36	Nguyễn Ngọc Sang	24/10/2006	CCQ2417B	2124170053	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
37	Trần Tấn Huỳnh	10/04/2006	CCQ2417B	2124170054	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
38	Nguyễn Văn Lộc	05/10/2006	CCQ2417B	2124170055	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
39	Nguyễn Thành Đạt	04/04/2006	CCQ2417B	2124170061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
40	Mai Thành Đông	22/07/2006	CCQ2417B	2124170062	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
41	Mai Ngọc Nam	08/06/2006	CCQ2417B	2124170063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
42	Đỗ Quốc Huy	27/12/2006	CCQ2417B	2124170064	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
43	Trần Duy Khang	16/02/2006	CCQ2417B	2124170065	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
44	Trà Bảo Phước	21/10/2006	CCQ2417B	2124170067	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
45	Huỳnh Hữu Luân	01/01/2006	CCQ2417B	2124170069	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
46	Nguyễn Lạc Khôi	30/09/2006	CCQ2417B	2124170070	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
47	Trần Trọng Anh	22/09/2006	CCQ2417C	2124170071	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
48	Phạm Phúc Trọng	17/05/2006	CCQ2417C	2124170072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
49	Trần Nguyễn Trang Bin	15/08/2006	CCQ2417C	2124170073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
50	Nguyễn Thanh Bình	12/02/2006	CCQ2417C	2124170074	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
51	Trương Đình Văn	28/12/2006	CCQ2417C	2124170076	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
52	Nguyễn Trần Thái Tuấn	08/12/2006	CCQ2417C	2124170077	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
53	Ngô Quốc Linh	30/04/2006	CCQ2417C	2124170078	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
54	Điền Minh Tú	23/03/2005	CCQ2417C	2124170079	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
55	Nguyễn Ngọc Hải Anh	09/03/2006	CCQ2417C	2124170081	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
56	Nguyễn Văn Trường	09/02/2003	CCQ2417C	2124170083	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
57	Phan Hồ Điệp	16/04/2006	CCQ2417C	2124170084	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
58	Phạm Văn Hiếu	21/04/2006	CCQ2417C	2124170085	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
59	Nguyễn Văn Đồng	21/04/2006	CCQ2417C	2124170086	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
60	Nguyễn Công Hiệu	13/10/2006	CCQ2417C	2124170089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
61	Nguyễn Hồng Chương	07/02/2006	CCQ2417C	2124170093	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
62	Nguyễn Hải Đăng	20/02/2006	CCQ2417C	2124170094	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
63	Đỗ Thanh Tâm	05/10/2006	CCQ2417C	2124170095	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
64	Nguyễn Phúc Thịnh	07/03/2006	CCQ2417C	2124170096	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
65	Trương Hồng Phúc	16/06/2006	CCQ2417C	2124170098	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
66	Đinh Danh Duy	20/07/2006	CCQ2417C	2124170099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
67	Dương Văn Quan	10/06/2004	CCQ2417C	2124170100	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
68	Trần Văn Quỳn	16/05/2006	CCQ2417C	2124170101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
69	Đỗ Ngọc Đức	25/01/2005	CCQ2417D	2124170106	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
70	Nguyễn Trung Dương	09/03/2006	CCQ2417D	2124170107	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
71	Lê Anh Khoa	29/08/2006	CCQ2417D	2124170108	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
72	Thái Tuấn Quốc Vương	06/06/2006	CCQ2417D	2124170110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
73	Phạm Văn Vãn	03/09/2006	CCQ2417D	2124170111	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
74	Phạm Bá Điệp	22/06/2006	CCQ2417D	2124170113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
75	Nguyễn Pháp	18/05/2006	CCQ2417D	2124170114	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
76	Lưu Hoàng Phúc	20/06/2005	CCQ2417D	2124170116	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
77	Võ Văn Nghĩa	02/04/2006	CCQ2417D	2124170118	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
78	Lê Bằng Nam	16/11/2006	CCQ2417D	2124170126	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
79	Nguyễn Lưu Anh Tú	27/09/2006	CCQ2417D	2124170128	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
80	Nguyễn Trần Anh Thái	08/03/2006	CCQ2417D	2124170130	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
81	Đỗ Văn Nhân	27/10/2006	CCQ2417D	2124170131	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
82	Phan Văn Tiến	20/10/2006	CCQ2417D	2124170132	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
83	Nguyễn Bá Trung	31/08/2006	CCQ2417D	2124170133	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
84	Vũ Đình Nam	23/07/2006	CCQ2417D	2124170134	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
85	Mai Quốc Toàn	22/09/2006	CCQ2417D	2124170135	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
86	Đoàn Khánh Duy	24/09/2006	CCQ2417D	2124170136	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
87	Đỗ Tấn Lộc	13/04/2006	CCQ2417D	2124170137	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
88	Nguyễn Anh Phong	03/06/2006	CCQ2417D	2124170139	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
89	Trần Trương Trung Chính	19/02/2006	CCQ2417D	2124170141	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
90	Nguyễn Văn Nghĩa	19/06/2006	CCQ2417D	2124170140	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
91	Đinh Tuấn Anh	14/06/2006	CCQ2417E	2124170143	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
92	Cao Thanh Lâm	01/01/2006	CCQ2417E	2124170144	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
93	Nguyễn Thành Long	11/11/2006	CCQ2417E	2124170145	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
94	Huỳnh Duy Anh Tân	21/06/2006	CCQ2417E	2124170147	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
95	Nguyễn Anh Trường	05/11/2005	CCQ2417E	2124170150	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
96	Nguyễn Thành Nam	16/08/2006	CCQ2417E	2124170151	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
97	Phan Đăng Long	19/08/2006	CCQ2417E	2124170152	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
98	Nguyễn Hồng Thái	19/11/2006	CCQ2417E	2124170153	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
99	Cao Hoàng Anh Vũ	10/02/2006	CCQ2417E	2124170154	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
100	Nguyễn Tấn Hưng	23/03/2006	CCQ2417B	2124170155	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
101	Trần Tiến Lực	13/06/2006	CCQ2417E	2124170158	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
102	Nguyễn Văn Đạt	13/10/2006	CCQ2417E	2124170159	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
103	Lại Hữu Lộc	26/12/2006	CCQ2417E	2124170160	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
104	Đặng Chí Phong	21/07/2006	CCQ2417E	2124170162	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
105	Trương Hoàng Bảo Khôi	07/01/2006	CCQ2417E	2124170163	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
106	Huỳnh Long Toàn	10/11/2005	CCQ2417E	2124170164	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
107	Nguyễn Hoàng Bảo Long	14/02/2006	CCQ2417E	2124170165	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
108	Huỳnh Văn Việt	26/09/2005	CCQ2417D	2124170166	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
109	Nguyễn Thành Vinh	03/09/2006	CCQ2417E	2124170167	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
110	Chau Đô La	05/08/2006	CCQ2417E	2124170168	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
111	Phùng Học Vũ	01/01/2006	CCQ2417E	2124170169	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
112	Lê Quang Diệu	01/01/2006	CCQ2417E	2124170171	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
113	Nguyễn Duy Hậu	30/08/2006	CCQ2417E	2124170172	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
114	Lê Văn Toàn	07/02/2006	CCQ2417E	2124170174	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
115	Lâm Hải Vân	17/10/2005	CCQ2417E	2124170177	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
116	Hoàng Gia Anh Khảm	15/01/2006	CCQ2417E	2124170178	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
117	Trần Nguyễn Đạt Thành	05/07/2006	CCQ2417F	2124170184	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
118	Mai Chí Vỹ	25/01/2006	CCQ2417F	2124170185	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
119	Nguyễn Thành Long	04/07/2006	CCQ2417F	2124170186	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
120	Nguyễn Minh Đạt	11/09/2006	CCQ2417F	2124170187	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
121	Lý Thành Khương	13/09/2006	CCQ2417F	2124170188	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
122	Huỳnh Trung Hiếu	11/02/2006	CCQ2417F	2124170190	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
123	Lương Gia Kiệt	03/06/2006	CCQ2417F	2124170192	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
124	Huỳnh Phúc Hậu	30/04/2006	CCQ2417F	2124170193	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
125	Văn Công Tấn Lực	23/02/2006	CCQ2417F	2124170194	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
126	Nguyễn Minh Hiền	01/06/2006	CCQ2417F	2124170195	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
127	Huỳnh Tấn Phát	25/11/2005	CCQ2417F	2124170196	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
128	Bùi Lương Khánh	11/04/2006	CCQ2417F	2124170198	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
129	Nguyễn Đức Vang	12/09/2006	CCQ2417F	2124170199	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
130	Đầu Huỳnh Thanh Sang	04/06/2006	CCQ2417F	2124170201	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
131	Lê Hữu Luân	25/09/2006	CCQ2417F	2124170202	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
132	Đỗ Hoàng Anh Khoa	27/05/2006	CCQ2417F	2124170203	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
133	Huỳnh Gia Khang	04/08/2006	CCQ2417F	2124170204	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
134	Lê Nguyễn Phúc Tín	14/09/2006	CCQ2417F	2124170205	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
135	Phạm Nguyễn Ngọc Tuấn	24/09/2006	CCQ2417F	2124170206	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
136	Nguyễn Đình Thòa	25/08/2006	CCQ2417D	2124170207	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
137	Hồ Minh Quảng	11/04/2006	CCQ2417F	2124170208	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
138	Nguyễn Lê Tuấn Anh	04/06/2005	CCQ2417F	2124170209	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
139	Nguyễn Thành Đạt	31/01/2006	CCQ2417E	2124170210	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
140	La Việt Tường	10/08/2006	CCQ2417F	2124170212	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
141	Huỳnh Tấn Thành	10/12/2006	CCQ2417F	2124170213	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
142	Lê Quang Khánh	03/02/2006	CCQ2417F	2124170214	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
143	Nguyễn Đại Dương	20/08/2006	CCQ2417F	2124170216	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
144	Lê Đình Đức	30/07/2006	CCQ2417G	2124170217	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
145	Phạm Quốc Thịnh	29/08/2006	CCQ2417G	2124170219	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
146	Nguyễn Văn Đạt	09/01/2006	CCQ2417G	2124170220	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
147	Nguyễn Quốc Nho	25/02/2006	CCQ2417G	2124170222	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
148	Trần Tấn Lộc	07/03/2006	CCQ2417G	2124170224	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
149	Hồ Xuân Cường	20/12/2005	CCQ2417G	2124170225	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
150	Phạm Lê Quang Minh	17/05/2006	CCQ2417G	2124170226	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
151	Thái Văn Triều	22/09/2006	CCQ2417G	2124170227	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
152	Võ Hà Tiến Lợi	25/08/2005	CCQ2417G	2124170228	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
153	Nguyễn Viết Thiện	07/12/2006	CCQ2417G	2124170229	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
154	Tôn Thất Hồng Phúc	18/11/2006	CCQ2417G	2124170230	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
155	Đoàn Lê Hưng Thịnh	16/12/1993	CCQ2417G	2124170231	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
156	Lê Dương Thanh	07/07/2006	CCQ2417G	2124170232	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
157	Nguyễn Văn Trường	26/03/2005	CCQ2417G	2124170233	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
158	Vũ Đức Sơn	05/01/1992	CCQ2417G	2124170236	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
159	Nguyễn Hiếu Trọng	27/01/2006	CCQ2417G	2124170237	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
160	Nguyễn Hoàng Tân	30/04/2006	CCQ2417G	2124170238	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
161	Đỗ Khởi Phát	30/11/2006	CCQ2417G	2124170241	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
162	Đào Ngọc Cẩm	29/03/2006	CCQ2417G	2124170242	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
163	Võ Minh Sang	02/03/2006	CCQ2417G	2124170243	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
164	Nguyễn Hoàng Mỹ	27/12/2006	CCQ2417C	2124170244	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
165	Bùi Thanh Trường Phúc	20/07/2006	CCQ2417G	2124170245	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
166	Hồ Thanh Phúc	18/02/2006	CCQ2417G	2124170249	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
167	Vũ Đình Toàn	03/08/2006	CCQ2417G	2124170250	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
168	Huỳnh Quốc Thuận	24/05/2006	CCQ2417G	2124170251	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
169	Nguyễn Minh Hậu	12/05/2006	CCQ2417G	2124170253	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
170	Nguyễn Tấn Phước	03/10/2006	CCQ2417H	2124170254	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
171	Lê Trọng Phúc	28/12/2006	CCQ2417H	2124170261	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
172	Nguyễn Minh Khánh	14/02/2006	CCQ2417H	2124170264	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
173	Nguyễn Hùng Tiến	18/10/2005	CCQ2417H	2124170265	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
174	Nguyễn Triệu Tấn Phát	30/04/2005	CCQ2417H	2124170267	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
175	Đỗ Phạm Thành Đạt	10/11/2006	CCQ2417H	2124170268	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
176	Tăng Vĩnh Nam Anh	27/12/2006	CCQ2417H	2124170273	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
177	Phùng Quốc Việt	05/12/2006	CCQ2417H	2124170274	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
178	Nguyễn Quốc Đạt	22/05/2006	CCQ2417H	2124170275	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
179	Nguyễn Ngọc Khánh Trinh	11/01/2004	CCQ2417H	2124170276	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
180	Lương Thái Toàn	23/10/2006	CCQ2417H	2124170279	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
181	Mai Minh Trí	02/11/2006	CCQ2417H	2124170280	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
182	Nguyễn Hoàng Quân	26/02/2006	CCQ2417H	2124170281	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
183	Nguyễn Đình Phú	08/10/2005	CCQ2417H	2124170282	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
184	Bùi Nhật Hoàng Sang	25/01/2006	CCQ2417C	2124170286	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
185	Nguyễn Văn Pháp	20/04/2006	CCQ2417H	2124170292	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
186	Ngô Quang Hùng	25/11/2006	CCQ2417H	2124170293	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
187	Đỗ Anh Kiệt	04/04/2005	CCQ2417H	2124170294	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
188	Vũ Văn Nguyên	02/02/2005	CCQ2417H	2124170295	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
189	Bùi Trần Đức Anh	10/01/2004	CCQ2417I	2124170300	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
190	Trần Hồng Hải	13/04/2005	CCQ2417G	2124170301	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
191	Lê Xuân Cường	23/06/2006	CCQ2417I	2124170303	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
192	Huỳnh Anh Nhựt	30/01/2006	CCQ2417I	2124170304	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
193	Đỗ Vĩnh Thuận	05/09/2006	CCQ2417I	2124170311	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
194	Dũng Mạnh Lê Hoàng	07/01/2006	CCQ2417I	2124170313	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
195	Đinh Ngọc Bảo	25/07/2006	CCQ2417I	2124170315	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
196	Đỗ Văn Thông	04/04/2006	CCQ2417I	2124170320	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
197	Đỗ Tuấn Kiệt	20/08/2006	CCQ2417D	2124170325	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
198	Nguyễn Thanh Kha	18/10/2006	CCQ2417I	2124140060	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70%	
199	Nguyễn Thái Đông	29/07/2006	CCQ2417A	2124170025	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
200	Trần Quốc Huy	03/03/2006	CCQ2417A	2124170034	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
201	Trần Gia Khang	10/06/2006	CCQ2417B	2124170056	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
202	Phạm Văn Hiếu	23/11/2006	CCQ2417D	2124170122	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Giảm 70% học phí	Ký nhận
203	Đình Hoàng Thắng	25/02/2006	CCQ2417E	2124170176	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
204	Bùi Gia Phát	25/11/2006	CCQ2417F	2124170180	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
205	Phạm Văn Thông	15/06/2006	CCQ2417F	2124170215	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.450.000	5	5.075.000	Giảm 70% HK2 nộp bổ sung	
TỔNG CỘNG KHÓA 48:						205			1.040.375.000		

Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

